Ký bởi: TRUNG TÂM THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
Email: banbientap@bentre.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
Ngày ký: 02-04-2025 08:29:38 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Bến Tre

Số 11 **Ngày 02 tháng 4 năm 2025**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

27-03-2025 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Bến Tre. 2

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

25-03-2025 Quyết định số 900/QĐ-UBND định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2024. 10

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20 /2025/QĐ-UBND	*Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre trên cơ sở hợp nhất Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1115/TTr-SNV ngày 25 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 04 năm 2025 và thay thế Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy định về quản lý, sử dụng các công trình đền thờ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Tam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Bến Tre

(Kèm theo Quyết định số 20 /2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về việc quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Bến Tre, bao gồm:

a) Công trình ghi công liệt sĩ: Nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ.

b) Mộ liệt sĩ.

2. Các công trình ghi công liệt sĩ được xếp hạng di tích cấp tỉnh trở lên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và các tổ chức, cá nhân khi tham gia vào hoạt động chăm sóc, cải tạo, quản lý, thăm viếng, dâng hương các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ

1. Nghĩa trang liệt sĩ là nơi an táng thi hài, hài cốt liệt sĩ, được xây dựng trang nghiêm thể hiện lòng tôn kính đối với các liệt sĩ, phù hợp với quy hoạch của tỉnh, huyện, xã.

2. Đền thờ liệt sĩ là nơi thờ và ghi danh các liệt sĩ được xây dựng ở nơi có chiến tích lịch sử tiêu biểu.

3. Nhà bia ghi tên liệt sĩ được xây dựng tại các xã, phường, thị trấn không có nghĩa trang liệt sĩ.

4. Không xây dựng mới mộ không có hài cốt trong nghĩa trang liệt sĩ, trừ trường hợp xây mộ để đón nhận hài cốt liệt sĩ được quy tập về.

Điều 4. Công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ

1. Công trình ghi công liệt sĩ theo Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 quy định:

a) Công trình ghi công liệt sĩ là công trình lịch sử, văn hóa để tôn vinh, tri ân liệt sĩ và giáo dục truyền thống cách mạng.

b) Công trình ghi công liệt sĩ được xây dựng phù hợp với quy hoạch, phong tục, tập quán của từng địa phương, bảo đảm trang nghiêm, mỹ quan, bền vững.

c) Công trình ghi công liệt sĩ bao gồm: nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ.

2. Mộ liệt sĩ theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng quy định:

a) Mộ liệt sĩ là nơi an táng thi hài, hài cốt của liệt sĩ.

b) Mộ liệt sĩ trong cùng một nghĩa trang liệt sĩ được xây dựng thống nhất về kích thước, quy cách.

c) Nội dung bia mộ liệt sĩ được ghi thống nhất theo quy định.

d) Mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin an táng tại nghĩa trang liệt sĩ được di chuyển theo nguyện vọng của thân nhân hoặc người thờ cúng liệt sĩ.

Chương II
QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH GHI CÔNG LIỆT SĨ, MỘ LIỆT SĨ

Điều 5. Nội dung quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ

1. Đối với nghĩa trang liệt sĩ, mộ liệt sĩ

a) Lập sơ đồ nghĩa trang và vị trí mộ, quản lý hồ sơ mộ liệt sĩ (bao gồm thông tin mộ, vị trí mộ, biên bản bàn giao hài cốt liệt sĩ và các giấy tờ có liên quan đến phần mộ), lập danh sách quản lý mộ liệt sĩ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 153 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Tổ chức lễ đón nhận và cải táng hài cốt liệt sĩ do các cơ quan, đơn vị tìm kiếm, quy tập trong và ngoài nước bàn giao theo quy định; tiếp nhận và cải táng hài cốt liệt sĩ từ nghĩa trang liệt sĩ tỉnh khác chuyển đến hoặc mộ đang quản lý tại gia đình theo nguyện vọng của thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt sĩ được cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Khi tiếp nhận và cải táng hài cốt liệt sĩ phải ghi rõ thông tin đơn vị quy tập hài cốt liệt sĩ hoặc người di chuyển hài cốt liệt sĩ và địa phương nơi quy tập hài cốt

liệt sĩ hoặc nơi an táng hài cốt trước khi di chuyển, thời điểm tiếp nhận và các thông tin khác liên quan đến liệt sĩ.

d) Quản lý, bảo vệ, chăm sóc mộ liệt sĩ, khuôn viên vườn hoa, cây cảnh, hệ thống điện, nước và các hạng mục khác của nghĩa trang liệt sĩ bảo đảm xanh, sạch đẹp và trang nghiêm.

đ) Phục vụ lễ viếng nghĩa trang liệt sĩ; tổ chức đón tiếp, hướng dẫn thân nhân liệt sĩ, người thờ cúng liệt sĩ và Nhân dân đến thăm viếng, dâng hương mộ liệt sĩ.

e) Giải quyết các thủ tục di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt sĩ hoặc do cấp có thẩm quyền quyết định và phải ghi rõ thông tin người di chuyển hài cốt liệt sĩ và địa phương nơi an táng hài cốt sau khi di chuyển, thời điểm di chuyển và các thông tin khác liên quan đến liệt sĩ trong danh sách quản lý.

g) Lập kế hoạch, dự toán kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp phần mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

h) Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ sở giáo dục trên địa bàn tổ chức thắp nến tri ân, vệ sinh, chăm sóc các phần mộ liệt sĩ và khuôn viên nghĩa trang liệt sĩ tạo cảnh quan sạch đẹp, trang nghiêm.

i) Huy động các nguồn lực hợp pháp để xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa mộ liệt sĩ và các hạng mục của nghĩa trang liệt sĩ.

2. Đối với đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ

a) Quản lý, bảo vệ, chăm sóc các hạng mục của đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ đảm bảo xanh, sạch đẹp và trang nghiêm.

b) Phục vụ lễ viếng tại đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ; tổ chức đón tiếp, hướng dẫn các tổ chức và Nhân dân đến thăm viếng, dâng hương.

c) Lập kế hoạch, dự toán kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Huy động các nguồn lực hợp pháp để xây dựng, cải tạo, nâng cấp các hạng mục đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ.

Điều 6. Kinh phí đảm bảo xây dựng, tu bổ sửa chữa và quản lý các nghĩa trang liệt sĩ

1. Kinh phí quản lý, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, tu bổ các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ do ngân sách nhà nước đảm bảo được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Khuyến khích huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia thực hiện tu bổ, cải tạo công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ. Các tổ chức, cá nhân đóng góp nguồn lực không vì mục đích lợi nhuận được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh; đồng thời trực tiếp quản lý Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh và Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Hàng năm, lập dự toán, tổng hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, chăm sóc và quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ theo quy định.

3. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 153 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có liên quan

1. Sở Tài chính, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển để xây dựng, mở rộng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định.

Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách hàng năm, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện sửa chữa, quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc nhận chăm sóc các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn theo Chương trình số 652/CTr-BGDDT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 7 năm 2012 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ký trước đây.

3. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, tăng cường công tác tuyên truyền đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", "Đền ơn đáp nghĩa", phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, mộ liệt sĩ và tổ chức thắp nến tri ân tại các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn vào hồi 20 giờ ngày 26 tháng 7 hàng năm (*tùy theo tình hình thực tế Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thời gian để tổ chức cho phù hợp*).

4. Các sở, ban, ngành khác, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục truyền thống cách mạng thông qua việc khai thác, sử dụng các công trình ghi công liệt sĩ.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ thuộc địa bàn cấp huyện quản lý.

2. Chỉ đạo Phòng Nội vụ tham mưu thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 153 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

3. Hàng năm, tiến hành lập dự toán kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp, quản lý và chăm sóc các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ theo quy định; đối với các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ đề nghị hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương, tổng hợp báo cáo về Sở Nội vụ theo quy định.

4. Bố trí ngân sách địa phương và nguồn huy động từ cộng đồng để bổ sung nguồn vốn xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, tu bổ công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn.

5. Ban hành nội quy, quy định về quản lý, chăm sóc, thăm viếng công trình ghi công liệt sĩ theo trách nhiệm quản lý; tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao ý thức giữ gìn, bảo quản, chăm sóc các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ thuộc địa bàn cấp xã quản lý.

2. Chỉ đạo công chức làm công tác Nội vụ tham mưu thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung quản lý theo quy định.

3. Tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao ý thức giữ gìn, bảo quản, chăm sóc các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

4. Lập kế hoạch xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình ghi công liệt sĩ thuộc cấp xã quản lý, vận động các tổ chức, cá nhân đóng góp nguồn lực để xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, tu bổ, chăm sóc các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn.

5. Đối với mộ liệt sĩ do gia đình quản lý: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn gia đình liệt sĩ hoặc thân nhân liệt sĩ chăm sóc, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, bảo đảm các yêu cầu theo quy định.

6. Căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp xã phân công đoàn thể hoặc công chức phụ trách quản lý, chăm sóc công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn.

Điều 11. Thông tin báo cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Thông tin báo cáo: Cơ quan quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp về tình hình triển khai thực hiện Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn, lồng ghép với báo cáo công tác thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng định kỳ 6 tháng, một năm theo quy định.

2. Khen thưởng: Các tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, bảo vệ, chăm sóc công trình ghi công liệt sĩ hoặc có nhiều đóng góp nguồn lực tiêu biểu vào việc đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ được ghi nhận, biểu dương khen thưởng theo quy định.

3. Xử lý vi phạm: Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, phá hoại các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ tùy thuộc vào mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 900 /QĐ-UBND	*Bến Tre, ngày 25 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài Chính về việc ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 435/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2024, cụ thể như sau:

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tưới, tiêu bằng trọng lực đối với đất trồng lúa là 763.000 đồng/ha/vụ.

2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tưới tiêu chủ động hoàn toàn bằng trọng lực đối với đất trồng lúa là 763.000 đồng/ha/vụ. Mức giá bằng 100% mức giá tưới tiêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

3. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tưới tiêu chủ động một phần bằng trọng lực đối với đất trồng lúa là 457.800 đồng/ha/vụ. Mức giá bằng 60% mức giá tưới tiêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực đối với đất trồng lúa là 305.200 đồng/ha/vụ. Mức giá bằng 40% mức giá tưới tiêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

5. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước tưới cho đất trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày là 305.200 đồng/ha/vụ. Mức giá bằng 40% mức giá tưới tiêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

6. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu là 610.400 đồng/ha/vụ. Mức giá bằng 80% mức giá tưới tiêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

7. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước cho sản xuất muối là 891.000 đồng/ha/năm.

8. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước để nuôi trồng thủy sản 2.606.000 đồng/ha/năm.

9. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Giao Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Bến Tre phối hợp cùng địa phương triển khai:

1. Thông báo rộng rãi mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nước biết và thực hiện theo Quyết định này.

2. Lập bảng kê diện tích được tưới, nhu cầu sử dụng nước và thực hiện đầy đủ việc ký kết và nghiệm thu hợp đồng sử dụng nước với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước; tổ chức quản lý, vận hành, bảo vệ, sửa chữa công trình đảm bảo phục vụ công tác tưới, tiêu theo hợp đồng đã ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, thẩm định, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt diện tích và dự toán kinh phí cấp bù số tiền do thực hiện chính sách miễn thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Bến Tre.

b) Chịu trách nhiệm tổng hợp về dự toán và quyết toán kinh phí cấp bù số tiền do thực hiện chính sách miễn thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Bến Tre.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm kiểm tra diện tích tưới nước, tiêu nước và cấp nước được cấp bù số tiền do thực hiện chính sách miễn thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm của đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh (bao

gồm cả danh mục công trình và biện pháp tưới, tiêu nước áp dụng đối với từng công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh).

b) Chịu trách nhiệm theo dõi kiểm tra và hướng dẫn đơn vị liên quan áp dụng biện pháp tưới, tiêu, cấp nước đối với từng hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh phù hợp với quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Bến Tre; Chi Cục trưởng Cục Thuế Khu vực XVIII; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Tam

VĂN PHÒNG UBND TỈNH BẾN TRE XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 07, Cách mạng tháng Tám, Phường An Hội, TP.Bến Tre;

Điện thoại liên hệ: 0275.3822115 - 3827529; Fax: 0275.3822134;

E-mail: congbaobentre@bentre.gov.vn;

Website: congbao.bentre.gov.vn